

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-3-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Ông Trần Văn Điệp.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 677/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, ấp CN, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà U, ông C xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2022 và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C xây dựng gia đình với nhau năm 1991, đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01/2005 ngày 14/9/2005. Việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do ông C không có trách nhiệm với gia đình. Vì thương chồng con, nhiều lần bà U đã cho ông cơ hội để sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C vẫn không hề thay đổi. Gần đây, ông C thường xuyên quậy phá làm bà U không được yên ổn. Bà U nhận thấy hôn nhân

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2003. Các con chung đều đã thành niên và trưởng thành, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà U khai vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà U khai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 17/02/2023.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022, bị đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay bà U khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông thì ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2003. Các con chung đều đã thành niên và trưởng thành, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U, xử cho bà U được ly hôn với ông C. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét. Về nợ chung: Khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách đương sự tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 hiện cư trú và đang sinh sống tại: Tổ 4, ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; nguyên đơn là bà Nguyễn Thị U, bị đơn là ông Nguyễn Văn C và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị U và bị đơn – ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà U và ông C.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01/2005 ngày 14/9/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà U khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C. Tại biên bản làm việc tại Tòa, bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022, ông C thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn. Tuy nhiên ông không đồng ý ký đơn ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông cũng xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị U là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, bà U đều cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông C không có trách nhiệm với gia đình, bà cho ông nhiều cơ hội sửa chữa nhưng ông không thay đổi. Ông C cũng thừa nhận có sự mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U, cho bà U được ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà U và ông C có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2003. Các con chung đều đã thành niên và trưởng thành, có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Bà U phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị U đối với ông Nguyễn Văn C.

Xử cho bà Nguyễn Thị U được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009612 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà U đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang

